

MẪU TS2

Thái Nguyên, Ngày 09 tháng 09 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỄN VỌNG 2
NGÀNH: DƯỢC

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
1		HHA002778	PHẠM VŨ ĐẠI	02/06/1997	Nam	101274885	1		Quảng	Thành	TO	7	LI	7.5	HO	7.5	0	22	1.5	23.5
2		BKA012423	NGUYỄN HỮU	23/07/1997	Nam	163452831	2NT		Nam	Huyện	TO	6.75	LI	6.5	HO	7	0	20.25	1	21.25
3		TDV032364	LÊ THỊ THÙY TRANG	27/09/1997	Nữ	187566542	1		Nghệ	Huyện	TO	6	HO	4	SI	5.5		15.5	1.5	17
4	4	YTB025380	VŨ THỊ HỒNG VUI	24/04/1997	Nữ	152182223	2NT		Thái	Huyện	TO	4	LI	4.5	HO	5.5	0	14	1	15
5	5	TND014079	ĐÀM THỊ THỦY LINH	20/09/1997	Nữ	091862755	1		Thái	Huyện	TO	5.5	HO	4.5	N1	4	0	14	1.5	15.5
6	6	TND008735	LÊ PHƯƠNG HOA	15/07/1997	Nữ	082292641	1		Lạng	Huyện	TO	1.75	LI	7.75	HO	7.5	0	17	1.5	18.5
7	10	KQH004053	TẶNG THỊ HẠNH	12/11/1997	Nữ	163438651	2NT		Nam	Huyện	TO	4.75	LI	3.75	HO	5	0	13.5	1	14.5
8	12	TND008755	NGÔ THỊ HOA	20/12/1996	Nữ	095266357	1	01	Bắc	Huyện	TO	3.25	HO	4.5	SI	4.75		12.5	3.5	16
9	13	TND026692	PHÙNG THU TRANG	05/10/1996	Nữ	082311362	1	01	Lạng	Huyện	TO	6.25	LI	5.25	HO	6.75	0	18.25	3.5	21.75
10	18	TND010178	HÀ THỊ MINH HUỆ	13/06/1997	Nữ	082285756	1	01	Lạng	Huyện	TO	5	HO	5.75	SI	5.5		16.25	3.5	19.75
11	21	THV011912	TẦN MỸ THANH	16/12/1997	Nữ	045119331	1	01	Lai	Huyện	TO	3.25	HO	5.5	SI	4		12.75	3.5	16.25
12	22	TND009176	NGUYỄN THU HOÀI	26/04/1997	Nữ	091745659	1	01	Thái	Huyện	TO	7	LI	6.25	HO	5.75	0	19	3.5	22.5
13	25	TND029080	LÊ THỊ VÂN	15/03/1997	Nữ	091759650	1		Thái	Huyện	TO	7	HO	5.75	N1	5	0	17.75	1.5	19.25
14	26	TND024710	NGUYỄN THỊ MINH	19/12/1997	Nữ	085059736	1	01	Cao	Thành	TO	5	LI	4.5	HO	5	0	14.5	3.5	18
15	29	TND027544	NGUYỄN THỊ TÚ	17/01/1997	Nữ	122244507	1		Bắc	Huyện	TO	7	LI	8.25	HO	8	0	23.25	1.5	24.75
16	34	TTB002204	ĐỖ TRUNG HIỆU	22/08/1997	Nam	040730079	1		Điện	Huyện	TO	6.25	HO	8	SI	7.5		21.75	1.5	23.25
17	36	TTB003323	QUẢNG THỊ LAN	15/08/1997	Nữ	040483839	1	01	Điện	Huyện	TO	4.25	HO	4.5	SI	6		14.75	3.5	18.25
18	39	TND004575	NGUYỄN THỊ THÙY	02/08/1997	Nữ	091863938	1		Thái	Huyện	TO	6.75	LI	5.5	HO	5.5	0	17.75	1.5	19.25
19	40	TDV024134	PHẠM THỊ THÙY	13/09/1997	Nữ	187509768	1		Nghệ	Huyện	TO	7.25	LI	7.25	HO	8	0	22.5	1.5	24
20	45	TND020291	TRẦN THỊ YẾN	20/04/1997	Nữ	091866097	2		Thái	Thành	TO	4.75	HO	5	SI	4.5		14.25	0.5	14.75
21	48	TND008804	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/06/1997	Nữ	091878306	2		Thái	Thành	TO	8	HO	6.25	SI	5.5		19.75	0.5	20.25

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
22	50	YTB025581	VŨ THỊ THANH	06/02/1997	Nữ	145801638	2NT		Hưng	Huyện	TO	7	LI	6.5	HO	7.5	0	21	1	22
23	52	TND014885	VŨ THUỶ LINH	03/11/1997	Nữ	091723011	1		Thái	Huyện	TO	5.75	LI	6.75	HO	7.5	0	20	1.5	21.5
24	53	HDT025536	NGUYỄN THỊ	07/10/1996	Nữ	174813979	2NT		Thanh	Huyện	TO	6.25	LI	5.25	HO	4.75	0	16.25	1	17.25
25	57	TND020002	NGUYỄN THỊ THÚY	03/02/1997	Nữ	122216699	1		Bắc	Huyện	TO	5.5	HO	7.5	SI	5.25		18.25	1.5	19.75
26	58	TND010473	LÝ QUỐC HÙNG	01/06/1997	Nam	122261000	1	01	Bắc	Huyện	TO	5.75	HO	6.5	SI	5.5		17.75	3.5	21.25
27	62	TDV008487	ĐẶNG THỊ HẠNH	03/09/1997	Nữ	187512533	1		Nghệ	Huyện	TO	8.25	LI	7	HO	7	0	22.25	1.5	23.75
28	68	HDT007552	NGUYỄN THỊ HẠNH	02/05/1997	Nữ	174859726	2NT		Thanh	Huyện	TO	7	LI	6.75	HO	6.5	0	20.25	1	21.25
29	69	HHA000259	HỒ THỊ HỒNG ANH	21/10/1997	Nữ	101320896	1	01	Quảng	Thành	TO	7	LI	6	HO	3.75	0	16.75	3.5	20.25
30	70	TDV010932	PHAN THỊ HOA	16/04/1997	Nữ	184284239	1		Hà Tĩnh	Huyện	TO	6.75	LI	7.25	HO	5.75	0	19.75	1.5	21.25
31	73	THV005057	NGUYỄN VĂN	01/12/1997	Nam	061051086	1		Yên Bái	Huyện	TO	7	HO	6	SI	6.25		19.25	1.5	20.75
32	76	TND007920	NGUYỄN THỊ HIỀN	18/05/1997	Nữ	122252004	1		Bắc	Huyện	TO	5.5	HO	6.75	SI	5.5		17.75	1.5	19.25
33	78	TTB006775	NGÔ THỊ THU	20/10/1997	Nữ	051005666	1		Sơn La	Huyện	TO	5.25	HO	6.75	SI	5.75		17.75	1.5	19.25
34	80	TND020823	NGUYỄN THỰC	17/02/1997	Nữ	082296646	1	01	Lạng	Huyện	TO	2	HO	5.5	SI	4.5		12	3.5	15.5
35	81	TDV028285	NGUYỄN THỊ THẢO	22/08/1996	Nữ	184180698	1		Hà Tĩnh	Huyện	TO	6.25	LI	7.5	HO	4	0	17.75	1.5	19.25
36	82	LNH005148	TRẦN THỊ LIÊN	10/04/1997	Nữ	113694932	1		Hoà	Huyện	TO	7.5	LI	7.75	HO	7.5	0	22.75	1.5	24.25
37	83	TND024876	NGUYỄN THỊ THUY	02/08/1996	Nữ	122209874	1		Bắc	Huyện	TO	3.5	LI	5.25	HO	4.5	0	13.25	1.5	14.75
38	84	YTB010112	NGUYỄN THỊ THANH	04/09/1996	Nữ	152138084	2NT		Thái	Huyện	TO	6.25	LI	5.75	HO	6	0	18	1	19
39	86	TDV022179	NGUYỄN THỊ NHI	26/09/1997	Nữ	187648494	2NT		Nghệ	Thị Xã	TO	5	HO	4.5	SI	6.25		15.75	1	16.75
40	88	TDV035480	PHẠM THỊ HỒNG TÝ	28/07/1996	Nữ	187402399	1		Nghệ	Huyện	TO	6.75	HO	6.75	SI	5.5		19	1.5	20.5
41	91	THV012825	NGUYỄN THỊ HOÀI	10/05/1997	Nữ	132334583	1		Phú	Huyện	TO	6.75	LI	7.5	HO	7	0	21.25	1.5	22.75
42	92	THP006914	BÙI THỊ HƯƠNG	15/05/1997	Nữ	142916292	1		Hải	Thị xã	TO	5.5	HO	7.25	SI	6		18.75	1.5	20.25
43	94	HDT014733	PHẠM THỊ LINH	09/09/1997	Nữ	174680740	2NT		Thanh	Huyện	TO	7.25	HO	7.75	SI	7		22	1	23
44	95	HDT012322	PHẠM THỊ HƯƠNG	18/11/1996	Nữ	174928941	1	01	Thanh	Huyện	TO	5.5	HO	7.25	SI	7		19.75	3.5	23.25
45	97	TND002975	TRẦN THỊ CÚC	05/02/1997	Nữ	122277421	1		Bắc	Huyện	TO	5.25	LI	6	HO	6	0	17.25	1.5	18.75
46	100	TND006700	NGUYỄN THỊ HẢI	05/05/1997	Nữ	122208646	2NT		Bắc	Huyện	TO	6.5	HO	7.5	SI	8.25		22.25	1	23.25
47	102	HDT029670	TRỊNH THỊ VÂN	15/12/1997	Nữ	174861841	2NT		Thanh	Huyện	TO	6.75	LI	3.75	HO	7.25	0	17.75	1	18.75
48	105	TQU002284	LÝ QUỐC HÙNG	01/12/1995	Nam	070963816	1	01	Tuyên	Huyện	TO	2.75	HO	4.5	SI	5.5		12.75	3.5	16.25
49	109	KQH009680	NGUYỄN THỊ KIM	13/05/1997	Nữ	001197000556	2		Hà Nội	Huyện	TO	5.75	HO	4.5	N1	4.75	0	15	0.5	15.5
50	110	BKA012880	NGUYỄN THỊ THU	21/03/1997	Nữ	163354430	2NT		Nam	Huyện	TO	6.25	HO	6.25	SI	5.5		18	1	19
51	111	TND017237	VŨ VĂN NAM	05/04/1997	Nam	091717076	1		Thái	Huyện	TO	6	HO	6.75	SI	7		19.75	1.5	21.25
52	118	TND014760	TRIỆU THỊ LINH	30/07/1997	Nữ	095248854	1	01	Bắc	Huyện	TO	3.5	HO	5	SI	4.25		12.75	3.5	16.25
53	119	YTB008206	LÊ THỊ THU HOA	01/07/1994	Nữ	151970322	2NT		Thái	Huyện	TO	2	HO	6.25	SI	4.75		13	1	14
54	122	TDV004565	NGUYỄN THỊ DUNG	10/10/1997	Nữ	184264847	1		Hà Tĩnh	Huyện	TO	6.5	HO	4.5	SI	4.75		15.75	1.5	17.25

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
55	123	KQH008995	ĐẶNG THỊ MẾN	11/10/1996	Nữ	017483511	2		Hà Nội	Huyện	TO	2.75	LI	5.5	HO	6.5	0	14.75	0.5	15.25
56	124	THV009688	LÙ THỊ NGUYỆT	03/09/1997	Nữ	045178773	1	01	Lai	Thành	TO	4.75	LI	2.75	HO	5.5	0	13	3.5	16.5
57	125	TQU004949	LÂM HOÀI THANH	22/08/1997	Nữ	071039590	1	01	Tuyên	Huyện	TO	7.25	HO	6	SI	6.5		19.75	3.5	23.25
58	127	TND005739	BỂ THỊ GẮM	14/11/1997	Nữ	095273437	1	01	Bắc	Thành	TO	6.25	HO	6.5	SI	6.5		19.25	3.5	22.75
59	132	HDT019248	NGUYỄN THỊ KIM	22/09/1997	Nữ	164610501	1		Ninh	Thị xã	TO	7.25	LI	6.75	HO	6.5	0	20.5	1.5	22
60	133	TND021997	NGUYỄN THỊ TẨM	12/11/1996	Nữ	122164236	1		Bắc	Huyện	TO	6	HO	9	SI	8.25		23.25	1.5	24.75
61	134	TND000533	LÝ THỊ LAN ANH	15/08/1997	Nữ	073459566	1	01	Hà	Huyện	TO	4.5	LI	6.5	HO	7	0	18	3.5	21.5
62	141	HHA009778	TRẦN THANH NGA	11/04/1997	Nữ	101318484	1		Quảng	Huyện	TO	6	HO	7.25	SI	6		19.25	1.5	20.75
63	143	TND002100	HOÀNG THỊ HỒNG	15/09/1997	Nữ	122253819	1		Bắc	Huyện	TO	7	HO	6.25	SI	5.5		18.75	1.5	20.25
64	145	TND001265	ĐỖ THỊ NGUYỆT	09/11/1997	Nữ	082307190	1	01	Lạng	Huyện	TO	6.75	SI	6.75	N1	6	0	19.5	3.5	23
65	146	TDV025979	NGUYỄN THỊ SEN	02/09/1996	Nữ	187522989	1		Nghệ	Huyện	TO	6.25	LI	5.75	HO	5.75	0	17.75	1.5	19.25
66	147	TDV018157	TRẦN THỊ LƯƠNG	12/09/1997	Nữ	187510530	1		Nghệ	Huyện	TO	6.5	LI	7.75	HO	6.5	0	20.75	1.5	22.25
67	150	LNH005126	NGUYỄN THỊ LIÊN	01/04/1997	Nữ	113698485	1		Hoà	Huyện	TO	4	LI	6.5	HO	4.5	0	15	1.5	16.5
68	153	TTB006690	LÒ THỊ TOÁN	10/05/1996	Nữ	040532377	1	01	Điện	Huyện	TO	2.25	HO	4.5	SI	3.5		10.25	3.5	13.75
69	155	TND009102	HOÀNG THỊ THU	01/12/1997	Nữ	082280938	1	01	Lạng	Thành	TO	7	HO	6	SI	5.75		18.75	3.5	22.25
70	157	TND026463	NGUYỄN THỊ	09/03/1997	Nữ	122271393	2		Bắc	Thành	TO	7.25	HO	7.25	SI	7		21.5	0.5	22
71	159	TND014042	DƯƠNG THỊ THẢO	07/03/1997	Nữ	082309600	1	01	Lạng	Huyện	TO	2.75	HO	4.25	SI	4		11	3.5	14.5
72	160	TND012374	DƯƠNG THỊ KẾT	26/10/1997	Nữ	095247616	1	01	Bắc	Huyện	TO	1.5	HO	3.5	SI	4.5		9.5	3.5	13
73	163	TDV037057	PHAN THỊ HẢI YẾN	03/04/1997	Nữ	187678576	2NT		Nghệ	Huyện	TO	6.25	HO	3.75	SI	4.25		14.25	1	15.25
74	164	TDV000248	TRẦN VÕ THỊ AN	25/09/1997	Nữ	187636242	2NT		Nghệ	Huyện	TO	6	LI	7.5	HO	7	0	20.5	1	21.5
75	170	HDT000072	NGUYỄN THỊ AN	06/10/1997	Nữ	174541845	2		Thanh	Thị xã	TO	6.75	HO	7	SI	5		18.75	0.5	19.25
76	172	TND007424	NGUYỄN THỊ	15/10/1997	Nữ	122280373	1	06	Bắc	Huyện	TO	7	HO	5.5	SI	6		18.5	2.5	21
77	173	TTB002124	HÀ THỊ HIỀN	22/10/1996	Nữ	050924664	1	01	Sơn La	Huyện	TO	2.25	LI	6.5	HO	3.75	0	12.5	3.5	16
78	174	TND017633	TRẦN THỊ KIM NGÂN	18/11/1997	Nữ	095250453	1		Bắc	Huyện	TO	3	LI	3.75	HO	5.5	0	12.25	1.5	13.75
79	175	TDV024227	BÙI THỊ PHƯỢNG	15/01/1993	Nữ	186993882	1		Nghệ	Huyện	TO	4.25	LI	5.5	HO	7.5	0	17.25	1.5	18.75
80	176	TND000838	NGUYỄN THỊ TÚ	23/07/1997	Nữ	122226332	1		Bắc	Huyện	TO	7	LI	5.5	HO	7	0	19.5	1.5	21
81	177	TDV027977	HỒ THỊ PHƯƠNG	07/08/1997	Nữ	184309120	1		Hà Tĩnh	Huyện	TO	6.25	HO	6.5	SI	6.25		19	1.5	20.5
82	179	TND007639	NGUYỄN THỊ HẬU	07/09/1997	Nữ	082314928	1		Lạng	Huyện	TO	6.5	HO	3.5	SI	3.5		13.5	1.5	15
83	180	TDV030275	PHAN THỊ THUY	10/10/1996	Nữ	184218614	2NT		Hà Tĩnh	Huyện	TO	6.5	LI	5.25	HO	6.25	0	18	1	19
84	182	TDV025538	NGUYỄN THỊ	26/09/1997	Nữ	187647681	2NT		Nghệ	Thị Xã	TO	3.25	LI	5	HO	4.5	0	12.75	1	13.75
85	185	TND025494	NHÂM THUY TIỀN	13/11/1997	Nữ	091723882	1	01	Thái	Huyện	TO	4.25	HO	3.5	SI	4.5		12.25	3.5	15.75
86	189	TQU003277	TRẦN THỊ LINH	02/09/1997	Nữ	071036404	1		Tuyên	Huyện	TO	6.75	HO	6.5	SI	7.5		20.75	1.5	22.25
87	190	TND007277	HÀ THỊ THU HẰNG	06/03/1997	Nữ	095239867	1	01	Bắc	Huyện	TO	3	HO	2.5	SI	4.5		10	3.5	13.5

STT	Số hồ sơ	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Điểm lệch	Tổng điểm chưa có UT	Điểm ưu tiên quy đổi	Tổng điểm có UT
88	192	HDT017603	BÙI THỊ NGÂN	23/07/1996	Nữ	164579356	1		Ninh	Huyện	TO	7	LI	7.5	HO	7.25	0	21.75	1.5	23.25
89	194	THV000445	NGUYỄN THỊ LAN	11/02/1997	Nữ	132316244	2NT		Phú	Huyện	TO	6.75	LI	7.5	HO	7	0	21.25	1	22.25
90	200	TND028461	DƯƠNG THỊ TUYỀN	26/08/1997	Nữ	091911150	2NT		Thái	Huyện	TO	4.75	LI	4.5	HO	3.75	0	13	1	14
91	203	TND011981	PHAN THỊ DIỆU	04/11/1997	Nữ	091886857	1	01	Thái	Huyện	TO	5.75	LI	7.25	HO	6.25	0	19.25	3.5	22.75
92	207	TND020768	HOÀNG THỊ MỸ	03/10/1997	Nữ	085059063	1	01	Cao	Thành	TO	3	LI	5.5	HO	4.5	0	13	3.5	16.5
93	208	TND023444	MA THỊ THẨM	28/09/1997	Nữ	095253411	1	01	Bắc	Huyện	TO	4.5	LI	4.25	HO	4.5	0	13.25	3.5	16.75
94	209	TND029034	ĐỖ THANH VÂN	04/04/1997	Nữ	091870757	2		Thái	Thành	TO	8	LI	6.5	HO	8.5	0	23	0.5	23.5
95	213	TND026929	LÊNG VĂN TRINH	19/01/1997	Nam	095253783	1	01	Bắc	Huyện	TO	6.25	LI	5.75	HO	4.75	0	16.75	3.5	20.25
96	214	TND023272	PHẠM THỊ HƯƠNG	09/12/1997	Nữ	091775107	2NT		Thái	Huyện	TO	5.5	LI	6.5	HO	5.5	0	17.5	1	18.5
97	224	TND007009	NGUYỄN THỊ HẠNH	30/05/1997	Nữ	091867040	1	01	Thái	Thành	TO	6.75	LI	6.75	HO	7.5	0	21	3.5	24.5
98	230	DHU015365	HUỖNH MINH NHẬT	08/01/1997	Nam	192171099	2		Thừa	Thành	TO	7	LI	7.25	HO	4.75	0	19	0.5	19.5
99	232	TTB007432	HOÀNG THỊ VÂN	17/02/1997	Nữ	050994626	1		Sơn La	Huyện	TO	6.75	HO	8	SI	5.25		20	1.5	21.5
100	234	TDV028948	PHẠM THỊ THẮNG	16/12/1997	Nữ	187700981	2NT		Nghệ	Huyện	TO	5.5	HO	6.5	SI	4.25		16.25	1	17.25
101	235	TDV025928	NGUYỄN THỊ SAO	08/04/1997	Nữ	187701112	2NT		Nghệ	Huyện	TO	5	LI	4.75	HO	4.75	0	14.5	1	15.5
102	236	KHA001936	MAI THỊ DUYÊN	18/11/1997	Nữ	163447544	2NT		Nam	Huyện	TO	6.75	LI	6.75	HO	7.25	0	20.75	1	21.75
103	239	KHA008291	ĐINH THỊ QUẾ	04/08/1997	Nữ	163443470	2NT		Nam	Huyện	TO	6.5	LI	6	HO	4.75	0	17.25	1	18.25
104	240	TND028297	NGUYỄN VĂN TÙNG	01/05/1997	Nam	122210288	2NT		Bắc	Huyện	TO	6.75	HO	7.75	SI	5.5		20	1	21
105	241	TDV011597	TRẦN THỊ HOÀN	26/08/1997	Nữ	187636279	1		Nghệ	Huyện	TO	6.25	LI	4.75	HO	7.5	0	18.5	1.5	20
106	242	TND001243	CHU NGỌC ÁNH	12/02/1996	Nữ	082275213	1	01	Lạng	Huyện	TO	5.5	HO	6.25	SI	5.25		17	3.5	20.5
107	243	TND002731	LONG THU CHUYÊN	18/04/1997	Nữ	095261406	1	01	Bắc	Huyện	TO	2	HO	4.5	SI	3.25		9.75	3.5	13.25
108	244	TND026304	LƯƠNG THỊ HUYỀN	20/01/1997	Nữ	082319566	1	01	Lạng	Huyện	TO	4.75	LI	4.75	HO	5.5	0	15	3.5	18.5
109	246	THP004165	PHẠM NGỌC HẢI	08/06/1996	Nam	142756318	2NT		Hải	Huyện	TO	5	LI	4.5	HO	6.5	0	16	1	17
110	248	TLA011491	NGUYỄN THỊ TÚ	18/08/1996	Nữ	168503026	2NT		Hà Nam	Huyện	TO	6.75	HO	6.25	SI	5.5		18.5	1	19.5
111	249	TND014432	NGUYỄN THỊ BẢO	13/10/1997	Nữ	122241873	1		Bắc	Huyện	TO	7.25	HO	7	SI	7.5		21.75	1.5	23.25
112	256	TDV009277	NGUYỄN THỊ THUÝ	19/09/1997	Nữ	187567199	1		Nghệ	Huyện	TO	2.25	LI	6	HO	4.5	0	12.75	1.5	14.25
113	259	SPH013265	ĐẶNG DIỆU OANH	22/09/1997	Nữ	026197001024	1		Vĩnh	Huyện	TO	5.25	HO	3.5	SI	5.75		14.5	1.5	16
114	260	KHA001915	BÙI THỊ DUYÊN	29/04/1997	Nữ	163453563	2NT		Nam	Huyện	TO	5.5	LI	3.5	HO	5.75	0	14.75	1	15.75
115	265	TND015846	BÀN THỊ MAI	14/08/1997	Nữ	085080135	1	01	Cao	Huyện	TO	4.75	HO	5.5	SI	6		16.25	3.5	19.75

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)